

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
phúc**

TỈNH KON TUM

Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ
ngày 09 tháng 6 năm 2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh**

Sa Thầy,

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 18-5-2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Th Ng D, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn H, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

- *Bị đơn*: Anh Trần V C (Tên gọi khác: Trần C), sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn H, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01-6-2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01-6-2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Th Ng D, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn H, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

- *Bị đơn*: Anh Trần V C (Tên gọi khác: Trần C), sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn H xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: anh Trần V C (Tên gọi khác: Trần C) tự nguyện thoả thuận tình ly hôn với chị Phan Th Ng D .

2.2 Về con chung: Khi ly hôn, anh Trần V C được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Trần Th Q Nh, sinh ngày 05/04/2012 và Trần L Nh, sinh năm 12/8/2014 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Th Ng D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2.2 Tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Chị Phan Th Ng D nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004059 ngày 18-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho chị Phan Th Ng D số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Sở Tư pháp t. Kon Tum;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lâm

